

-----*****-----

-----*****-----

Số: 24/QĐ-KDB/0402

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(Vv: Quy định các mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá KDB Việt Nam)

- Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/08/2001;
- Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/06/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;
- Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- Căn cứ vào điều lệ và tình hình hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này các phụ lục quy định về mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá đối với các loại tài sản và mục đích khác nhau.

Điều 2: Trường hợp đặc biệt tài sản phức tạp, quy mô lớn hoặc tài sản không thuộc một trong các phụ lục, tùy theo tính chất phức tạp, giá trị quy mô của tài sản, Giám đốc Công ty sẽ quyết định mức thu tiền phí dịch vụ thẩm định giá cho từng vụ việc.

Điều 3: Trong trường hợp nhà nước hoặc cơ quan chuyên ngành có quy định về mức thu thẩm định về mức thu phí thẩm định giá cho loại tài sản khác với quy định này thì áp dụng theo quy định của nhà nước hoặc cơ quan chuyên ngành về phân loại tài sản và mức thu tiền phí thẩm định giá theo quy định của nhà nước hoặc cơ quan chuyên ngành đó.

Điều 4: Mức thu phí dịch vụ thẩm định giá đối với trường hợp tái thẩm định tài sản cách nhau không quá 01 năm (chưa bao gồm thuế GTGT) bằng 80% mức phí của lần thẩm định trước (nhưng không thấp hơn mức phí tối thiểu).

Điều 5: KDB sẽ cung cấp cho khách hàng 02 đến 03 bộ Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá bằng Tiếng Việt. Trường hợp khách hàng yêu cầu cung cấp thêm số lượng chứng thư hoặc bản sao thì tính thêm phí 500.000 VND/ bộ (chưa bao gồm thuế GTGT),

hoặc khách hàng yêu cầu cấp chứng thư bằng tiếng nước ngoài sẽ tính thêm phí 1.000.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT)/ vụ việc.

Điều 6: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định về quy định mức thu phí trước đây. Các phòng ban của công ty, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Công ty, các phòng ban;
- Lưu HC - KT.



GIÁM ĐỐC

ĐẶNG QUỐC KHÁNH

Giá trị vững bền



**PHỤ LỤC 01: QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHÍ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
GIÁ ĐỘNG SẢN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH MUA SẴM CÔNG**

(Kèm theo quyết định số 24/QĐ-KDB/0402 ngày 02/04/2024)

$$\begin{matrix} \text{Mức phí dịch vụ} \\ \text{thẩm định giá} \\ \text{(đã bao gồm} \\ \text{thuế GTGT)} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá trị tài sản} \\ \text{thẩm định/ hoặc} \\ \text{ước tính (đã bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ lệ} \\ \text{thu phí} \\ \text{(\%)} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Hệ số số} \\ \text{lượng tài} \\ \text{sản} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{(1 + Thuế} \\ \text{GTGT)} \end{matrix}$$

1. Bảng tỷ lệ thu phí:

STT	Giá trị tài sản thẩm định/ hoặc ước tính (đã bao gồm thuế GTGT, Triệu đồng)		Mức phí thẩm định (chưa bao gồm thuế GTGT)/ Tỷ lệ thu phí (%)
	Từ	Đến	
1	0	<50	1.500.000
2	50	<150	2.000.000
3	150	<500	1,20
4	500	<1.000	1,10
5	1.000	<2.000	1,00
6	2.000	<3.000	0,90
7	3.000	<4.000	0,80
8	4.000	<5.000	0,75
9	5.000	<7.000	0,70
10	7.000	<10.000	0,65
11	10.000	<15.000	0,60
12	15.000	<30.000	0,55
13	30.000	<50.000	0,50
14	>50.000		Thỏa thuận

2. Bảng hệ số số lượng tài sản

STT	Số lượng tài sản		Hệ số số lượng
	Từ	Đến	
1	20	<50	1,1
2	50	<100	1,2
3	>100		1,3

**PHỤ LỤC 02: QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHÍ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
GIÁ XÂY DỰNG DỰ TOÁN**

(Kèm theo quyết định số 24/QĐ-KDB/0402 ngày 02/04/2024)

Hồ sơ thẩm định dự toán tính theo biểu phí động sản phục vụ mua sắm công (Phụ lục 01).

Mức phí tối thiểu (chưa bao gồm VAT): 3.000.000 đồng



92
0
T
M
K
Ệ
RU

**PHỤ LỤC 03: QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHÍ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
GIÁ ĐỘNG SẢN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH THANH LÝ TÀI SẢN**

(Kèm theo quyết định số 24/QĐ-KDB/0402 ngày 02/04/2024)

$$\begin{matrix} \text{Mức phí dịch} & \text{Giá trị tài sản} \\ \text{vụ thẩm định} & \text{thẩm định/} \\ \text{giá (đã bao} & \text{hoặc ước tính} \\ \text{gồm thuế} & \text{(chưa bao gồm} \\ \text{GTGT)} & \text{thuế GTGT)} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tỷ lệ} \\ \text{thu phí} \\ \text{(\%)} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Hệ số số} \\ \text{lượng tài} \\ \text{sản} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{(1 + Thuế} \\ \text{GTGT)} \end{matrix}$$

1. Bảng tỷ lệ thu phí:

STT	Giá trị tài sản thẩm định/ hoặc ước tính (chưa bao gồm thuế GTGT, Triệu đồng)		Mức phí thẩm định (chưa bao gồm thuế GTGT)/ Tỷ lệ thu phí (%)
	Từ	Đến	
1	0	<5	1.500.000
2	5	<10	2.000.000
3	10	<20	20
4	20	<30	18
5	30	<50	15
6	50	<100	10
7	100	<200	8
8	200	<300	7
9	300	<400	6
10	400	<500	5
11	500	<1.000	4
12	1.000	<2.000	3
14	>2.000		Thỏa thuận

2. Bảng hệ số số lượng tài sản

STT	Số lượng tài sản		Hệ số số lượng
	Từ	Đến	
1	10	<20	1,2
2	20	<30	1,3
3	30	<50	1,5

4	50	<70	1,7
5	70	<100	2
6	100	<200	2,5
7	>200		3

KOBB VIETNAM

Giá trị vững bền

034
G T
HH
NH
DB
VAN
-T-

**PHỤ LỤC 04: QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHÍ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

(Kèm theo quyết định số 24/QĐ-KDB/0402 ngày 02/04/2024)

$$\begin{array}{l} \text{Mức phí dịch vụ} \\ \text{thẩm định giá (đã} \\ \text{bao gồm thuế} \\ \text{GTGT)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản thẩm} \\ \text{định/ hoặc ước tính} \\ \text{(chưa bao gồm thuế} \\ \text{GTGT nếu có)} \end{array} \times 0,1 \% \times (1 + \text{Thuế} \\ \text{GTGT})$$

1. Mức phí tối thiểu (chưa bao gồm VAT): 2.000.000 đồng/ một tài sản áp dụng đối với trường hợp có < 10 tài sản trong cùng một vụ việc.
2. Mức phí tối thiểu (chưa bao gồm VAT): 1.500.000 đồng/ một tài sản áp dụng đối với trường hợp > 10 tài sản trong cùng một vụ việc.
3. Mức phí trên chưa bao gồm chi phí khảo sát hiện trạng tài sản (chi phí khảo sát hiện trạng miễn phí trong khu vực nội thành Hà Nội, đối với các khu vực khác mức chi phí theo thoả thuận với khách hàng).

**PHỤ LỤC 05: QUY ĐỊNH VỀ MỨC PHÍ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH
GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

(Kèm theo quyết định số 24/QĐ-KDB/0402 ngày 02/04/2024)

$$\text{Mức phí dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm thuế GTGT)} = \frac{\text{Giá trị doanh nghiệp cần thẩm định/ hoặc ước tính}}{\text{hoặc}} \times \text{Tỷ lệ thu phí (\%)} \times (1 + \text{Thuế GTGT})$$

STT	Giá trị doanh nghiệp cần thẩm định/ hoặc ước tính (Triệu đồng)		Mức phí thẩm định (chưa bao gồm thuế GTGT)/ Tỷ lệ thu phí (%)
	Từ trên	Đến	
1	0	5.000	0,50
2	5.000	10.000	0,46
3	10.000	20.000	0,40
4	20.000	30.000	0,35
5	30.000	50.000	0,30
6	50.000	70.000	0,25
7	70.000	90.000	0,20
8	90.000	110.000	0,18
9	110.000	130.000	0,16
10	130.000	150.000	0,14
11	150.000	200.000	0,12
12	200.000	250.000	0,10
13	250.000	300.000	0,08
14	300.000	400.000	0,06
15	400.000	500.000	0,05
16		>500.000	Thỏa thuận